



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số

3503000233
4100739909

ngày 26 tháng 9 năm 2008
ngày 24 tháng 2 năm 2023

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4100739909 ngày 24 tháng 2 năm 2023. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lâm Du An
Ông Huỳnh Văn Dũng
Bà Nguyễn Thị Phước
Ông Phạm Văn Phong
Ông Đoàn Tiến Dũng

Bà Nguyễn Thị Thùy Linh

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 18 tháng 10 năm 2024)
Thành viên
(đến ngày 17 tháng 10 năm 2024)

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Dũng
Ông Trịnh Văn Thảo
Ông Bùi Quang Đáng

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Ban Điều hành

Ông Huỳnh Văn Dũng
Ông Võ Thành Điền

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Số 1 Nguyễn Văn Linh
Phường Tân An, Thành phố Buôn Mê Thuột
Tỉnh Đắk Lắk
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Báo cáo của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Điều hành Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 43 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Điều hành Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Điều hành Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Tỉnh Đắk Lắk, ngày 14 tháng 2 năm 2025



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Công ty phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 2 năm 2025 được trình bày từ trang 5 đến trang 43.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 24-04-00030-25-5



Phạm Huy Cường

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 2675-2024-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Hà

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 2236-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 2 năm 2025



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		672.070.932.956	621.118.633.931
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	265.170.605.727	135.037.383.413
Tiền	111		22.670.605.727	9.672.383.413
Các khoản tương đương tiền	112		242.500.000.000	125.365.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		113.000.000.000	223.614.397.881
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	113.000.000.000	223.614.397.881
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		70.725.425.323	57.493.501.506
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7(a)	49.920.962.755	49.007.863.488
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.562.692.295	4.860.551.323
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	18.317.766.602	4.700.930.356
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7(c)	(1.075.996.329)	(1.075.996.329)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	152.668
Hàng tồn kho	140		219.955.598.357	200.619.721.990
Hàng tồn kho	141	9	219.955.598.357	200.619.721.990
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.219.303.549	4.353.629.141
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.215.392.314	3.844.452.506
Thuế phải thu Nhà nước	153		3.911.235	509.176.635

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		367.353.756.089	380.996.623.814
Tài sản cố định	220		283.888.955.431	309.921.232.551
Tài sản cố định hữu hình	221	10	279.877.433.931	308.580.914.267
Nguyên giá	222		1.569.576.572.588	1.548.812.000.137
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.289.699.138.657)	(1.240.231.085.870)
Tài sản cố định vô hình	227	11	4.011.521.500	1.340.318.284
Nguyên giá	228		5.705.069.474	2.396.636.190
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.693.547.974)	(1.056.317.906)
Bất động sản đầu tư	230	12	6.119.570.946	6.468.024.160
Nguyên giá	231		9.795.838.071	9.795.838.071
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(3.676.267.125)	(3.327.813.911)
Tài sản dở dang dài hạn	240		11.045.168.644	215.135.327
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	11.045.168.644	215.135.327
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6(b)	24.011.941.821	24.011.941.821
Đầu tư vào công ty con	251		23.036.081.821	23.036.081.821
Đầu tư vào công ty liên kết	252		975.860.000	975.860.000
Tài sản dài hạn khác	260		42.288.119.247	40.380.289.955
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	40.330.338.997	38.390.384.113
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.957.780.250	1.989.905.842
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.039.424.689.045	1.002.115.257.745

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		446.020.559.404	408.751.463.377
Nợ ngắn hạn	310		433.354.453.154	398.268.934.165
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	38.769.562.962	41.949.049.672
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		34.091.893.320	25.637.005.328
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16	134.099.150.335	150.757.093.121
Phải trả người lao động	314		31.927.575.972	28.025.943.165
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	2.636.319.897	2.228.624.513
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	18	262.500.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	60.590.396.282	16.268.466.965
Vay ngắn hạn	320	20	130.400.000.000	129.000.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	577.054.386	4.402.751.401
Nợ dài hạn	330		12.666.106.250	10.482.529.212
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	18	1.050.000.000	-
Phải trả dài hạn khác	337		1.827.205.000	1.380.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	22	9.788.901.250	9.102.529.212
Vốn chủ sở hữu (400 = 410)	400		593.404.129.641	593.363.794.368
Vốn chủ sở hữu	410	23	593.404.129.641	593.363.794.368
Vốn cổ phần	411	24	298.466.480.000	298.466.480.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		298.466.480.000	298.466.480.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		12.234.693	12.234.693
Quỹ đầu tư phát triển	418	26	106.839.717.745	99.350.138.745
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		188.085.697.203	195.534.940.930
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		163.206.403.930	150.206.621.946
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		24.879.293.273	45.328.318.984
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.039.424.689.045	1.002.115.257.745

Ngày 14 tháng 2 năm 2025

Người lập:

Người kiểm tra:

Người duyệt:

Trần Thị Thanh Phúc
Phó phòng Tài chính – Kế toán

Nguyễn Thành Nguyên
Kế toán Trưởng

Huỳnh Văn Dũng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 02 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	1.365.507.830.809	1.236.525.551.838
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	29	1.036.759.317.561	973.053.217.250
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		328.748.513.248	263.472.334.588
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	31.905.146.019	42.003.488.906
Chi phí tài chính	22		2.327.580.951	4.313.513.911
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.236.420.207	4.207.245.596
Chi phí bán hàng	25	31	60.778.929.099	38.453.346.828
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	83.381.279.218	79.290.564.285
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		214.165.869.999	183.418.398.470
Thu nhập khác	31		913.243.683	1.957.562.302
Chi phí khác	32		904.781.051	689.452.396
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		8.462.632	1.268.109.906
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		214.174.332.631	184.686.508.376
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	40.029.673.766	33.247.134.240
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	34	32.125.592	1.647.787.152
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		174.112.533.273	149.791.586.984

Ngày 14 tháng 2 năm 2025

Người lập:



Trần Thị Thanh Phúc
Phó phòng Tài chính – Kế toán

Người kiểm tra:



Nguyễn Thành Nguyên
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Văn Dũng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		214.174.332.631	184.686.508.376
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		50.479.188.313	49.732.599.367
Các khoản dự phòng	03		858.796.187	(490.595.428)
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(176.675.086)	(15.101.001)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(31.728.120.662)	(42.078.477.289)
Chi phí lãi vay	06		2.236.420.207	4.207.245.596
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		235.843.941.590	196.042.179.621
Biến động các khoản phải thu	09		1.984.211.127	(1.415.069.457)
Biến động hàng tồn kho	10		(19.335.876.367)	45.549.627.161
Biến động các khoản phải trả	11		(11.415.387.574)	(36.614.926.517)
Biến động chi phí trả trước	12		(1.310.894.692)	1.917.644.410
			205.765.994.084	205.479.455.218
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.359.593.773)	(4.149.272.222)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(35.897.420.898)	(37.646.034.953)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		1.591.330.000	1.264.931.359
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(29.679.451.164)	(26.282.726.624)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		139.420.858.249	138.666.352.778
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(35.470.326.984)	(6.366.682.533)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		115.526.423	163.636.364
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(322.000.000.000)	(436.614.397.881)
Tiền gửi có kỳ hạn thu về	24		432.614.397.881	433.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và lợi nhuận phân bổ/cổ tức	27		18.231.988.413	41.459.596.366
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		93.491.585.733	31.642.152.316

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Thông báo số 993/TB-SGDHCM ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là SMB.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát; nhập khẩu, xuất khẩu và kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị và phụ tùng thay thế của ngành công nghiệp thực phẩm; cung cấp dịch vụ đào tạo và tư vấn lắp đặt máy móc trong ngành công nghiệp thực phẩm; đầu tư xây dựng khu công nghiệp, khu dân cư; kinh doanh bất động sản và cho thuê văn phòng và kho bãi.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Trụ sở Chính của Công ty nằm ở số 1 Nguyễn Văn Linh, phường Tân An, thành phố Buon Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có hai chi nhánh trực thuộc tại thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (“Chi nhánh Quy Nhơn”) và thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên (“Chi nhánh Phú Yên”). Hoạt động chính của các chi nhánh của Công ty như sau:

Tên chi nhánh	Hoạt động chính	Địa chỉ
Chi nhánh Quy Nhơn	Sản xuất và kinh doanh bia	Khu Công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam
Chi nhánh Phú Yên	Sản xuất và kinh doanh bia và nước tinh khiết	265 Đường Nguyễn Tất Thành, phường 8, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm Trụ sở chính của Công ty ở tỉnh Đắk Lắk và tất cả các chi nhánh (sau đây gọi chung là “Công ty”).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 441 nhân viên (1/1/2024: 442 nhân viên).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Điều hành Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 8 năm
▪ tài sản khác	8 – 20 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không trích khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 đến 8 năm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, kết sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(iii) Chi phí thuê cơ sở hạ tầng

Chi phí thuê cơ sở hạ tầng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê là từ 10 đến 30 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê hoạt động nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng của Công ty.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty được dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(s) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay gây ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong năm trước.

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Các hoạt động khác bao gồm sản xuất và kinh doanh nước tinh khiết và các loại nước giải khát; và nắm giữ bất động sản đầu tư cho thuê và chờ tăng giá. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024 và doanh thu và chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Công ty dựa trên vị trí địa lý của khách hàng, bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài, trong đó bộ phận xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Công ty và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Do đó, thông tin tài chính được báo cáo chủ yếu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tiền mặt	607.817.774	449.794.029
Tiền gửi ngân hàng	22.062.787.953	9.222.589.384
Các khoản tương đương tiền (*)	242.500.000.000	125.365.000.000
	265.170.605.727	135.037.383.413

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi được gửi bằng VND tại ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày giao dịch và hưởng lãi suất từ 4,1% đến 4,55% một năm (1/1/2024: từ 4,1% đến 4,5% một năm).

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên ba tháng kể từ ngày gửi và dưới mười hai tháng kể từ ngày báo cáo. Tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất năm từ 5,35% đến 6,1% (1/1/2024: từ 4,1% đến 9,3%).

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

		31/12/2024 và 1/1/2024			
		% sở hữu và quyền biểu quyết		Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Số lượng cổ phiếu			Giá gốc VND		
Đầu tư vào:					
Công ty con					
• Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại - Dịch vụ Bía Quy Nhơn	Không áp dụng	100%	23.036.081.821	-	(*)
Công ty liên kết					
• Công ty Cổ phần In - Thương Mại Phú Yên		20%	975.860.000	-	(*)
			24.011.941.821	-	

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vốn này có thể khác với giá trị ghi sổ.

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	38.664.745.341	42.265.734.352
Các khách hàng khác	11.256.217.414	6.742.129.136
	49.920.962.755	49.007.863.488

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại - Dịch vụ Bia Quy Nhơn - Trụ sở chính	2.413.577.579	2.019.834.729
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại - Dịch vụ Bia Quy Nhơn – chi nhánh Phú Yên	1.605.638.270	-
Các bên liên quan khác		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	38.664.745.341	42.265.734.352

Khoản phải thu thương mại từ công ty con và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(c) Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	1.075.996.329	1.075.996.329

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Phải thu về lợi nhuận được chia	14.969.800.367	-
Phải thu lãi tiền gửi	2.045.608.219	3.534.918.042
Phải thu khác	1.302.358.016	1.166.012.314
	18.317.766.602	4.700.930.356

9. Hàng tồn kho

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua				
đang đi đường	33.760.000	-	13.000.000	-
Nguyên vật liệu	111.614.925.907	-	95.689.467.967	-
Công cụ và dụng cụ	52.372.170.412	-	55.582.048.492	-
Chi phí sản xuất				
kinh doanh dở dang	28.206.902.064	-	35.433.236.940	-
Thành phẩm	27.727.839.974	-	13.901.968.591	-
	219.955.598.357	-	200.619.721.990	-

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	256.195.675.616	1.264.340.002.391	19.000.440.778	8.048.560.413	1.227.320.939	1.548.812.000.137
Tăng trong năm	-	7.495.939.822	520.000.000	303.638.148	-	8.319.577.970
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 13)	421.335.641	11.249.221.568	845.307.272	-	-	12.515.864.481
Thanh lý	-	(70.870.000)	-	-	-	(70.870.000)
Số dư cuối năm	256.617.011.257	1.283.014.293.781	20.365.748.050	8.352.198.561	1.227.320.939	1.569.576.572.588
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	153.605.677.765	1.063.498.050.975	15.543.487.771	6.599.455.069	984.414.290	1.240.231.085.870
Khấu hao trong năm	12.154.649.291	35.526.155.405	1.209.323.048	573.442.661	29.934.626	49.493.505.031
Thanh lý	-	(25.452.244)	-	-	-	(25.452.244)
Số dư cuối năm	165.760.327.056	1.098.998.754.136	16.752.810.819	7.172.897.730	1.014.348.916	1.289.699.138.657
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	102.589.997.851	200.841.951.416	3.456.953.007	1.449.105.344	242.906.649	308.580.914.267
Số dư cuối năm	90.856.684.201	184.015.539.645	3.612.937.231	1.179.300.831	212.972.023	279.877.433.931

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 950.463 triệu VND (1/1/2024: 931.792 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 74.197 triệu VND (1/1/2024: 87.702 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 20).

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	500.000.000	1.667.636.190	229.000.000	2.396.636.190
Tăng trong năm	-	42.040.000	-	42.040.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dờ dang (Thuyết minh 13)	-	3.320.860.246	-	3.320.860.246
Thanh lý	(54.466.962)	-	-	(54.466.962)
Số dư cuối năm	445.533.038	5.030.536.436	229.000.000	5.705.069.474
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	827.317.906	229.000.000	1.056.317.906
Khấu hao trong năm	-	637.230.068	-	637.230.068
Số dư cuối năm	-	1.464.547.974	229.000.000	1.693.547.974
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	500.000.000	840.318.284	-	1.340.318.284
Số dư cuối năm	445.533.038	3.565.988.462	-	4.011.521.500

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 797 triệu VND (1/1/2024: 797 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

12. Bất động sản đầu tư

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê (a)	3.711.909.946	4.060.363.160
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá (b)	2.407.661.000	2.407.661.000
	6.119.570.946	6.468.024.160

(a) Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	7.388.177.071
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	3.327.813.911
Khấu hao trong năm	348.453.214
Số dư cuối năm	3.676.267.125
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	4.060.363.160
Số dư cuối năm	3.711.909.946

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

**Quyền
sử dụng đất
VND**

Số dư đầu năm và cuối năm 2.407.661.000

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì Công ty không thực hiện việc xác định giá trị hợp lý bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư có thể khác với giá trị ghi sổ.

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	215.135.327	393.352.508
Tăng trong năm	26.666.758.044	5.988.848.582
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 10)	(12.515.864.481)	(6.167.065.763)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 11)	(3.320.860.246)	-
Số dư cuối năm	11.045.168.644	215.135.327

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Xe LEXUS RX350 PREMIUM	3.620.569.986	-
Nhà kho số 9 tại chi nhánh Quy Nhơn	7.343.291.436	-
Khác	81.307.222	215.135.327
	11.045.168.644	215.135.327

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí thuế cơ sở hạ tầng VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	15.700.701.136	6.231.105.065	11.286.330.579	5.172.247.333	38.390.384.113
Tăng trong năm	8.182.679.808	7.504.418.521	-	3.983.722.872	19.670.821.201
Phân bổ trong năm	(9.266.642.585)	(5.219.846.936)	(445.208.232)	(2.799.168.564)	(17.730.866.317)
Số dư cuối năm	14.616.738.359	8.515.676.650	10.841.122.347	6.356.801.641	40.330.338.997

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

15. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	2.132.768.318	15.757.046.696
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	4.944.077.946	3.699.084.635
Công ty TNHH Lon nước giải khát TBC-Ball Việt Nam	4.179.613.350	363.189.666
Các nhà cung cấp khác	27.513.103.348	22.129.728.675
	38.769.562.962	41.949.049.672

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại - Dịch vụ Bia Quy Nhơn – Trụ sở chính	805.482.489	703.004.483
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại - Dịch vụ Bia Quy Nhơn – chi nhánh Phú Yên	-	48.592.392
Các bên liên quan khác		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	2.132.768.318	15.757.046.696

Khoản phải trả thương mại cho công ty con và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

16. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2024 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số cán trừ trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	34.697.756.581	229.739.645.672	(77.842.415.987)	(174.937.717.102)	11.657.269.164
Thuế tiêu thụ đặc biệt	89.434.283.077	969.747.881.341	-	(965.835.207.405)	93.346.957.013
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.593.437.834	40.311.778.706	-	(35.897.420.898)	27.007.795.642
Thuế thu nhập cá nhân (*)	2.387.466.450	6.436.139.799	-	(8.308.591.436)	515.014.813
Tiền thuê đất, thuế đất	1.501.042.496	7.179.509.261	-	(7.179.509.261)	1.501.042.496
Các loại thuế khác	143.106.683	1.629.343.042	-	(1.701.378.518)	71.071.207
	150.757.093.121	1.255.044.297.821	(77.842.415.987)	(1.193.859.824.620)	134.099.150.335

(*) Trong thuế thu nhập cá nhân đã nộp trong năm có 1.791.058.023 VND liên quan đến thu nhập từ cổ tức của các cổ đông là cá nhân.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Chi phí lãi vay	98.355.752	221.529.318
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	2.537.964.145	2.007.095.195
	2.636.319.897	2.228.624.513

18. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện phản ánh các khoản thanh toán trước tiền thuê của khách thuê tại ngày lập báo cáo.

19. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Cổ tức phải trả	54.962.630.011	10.085.286.765
Nhận ký quỹ ngắn hạn	1.777.670.000	1.255.255.000
Quỹ công tác xã hội	989.243.479	1.782.620.420
Phải trả ngắn hạn khác	2.860.852.792	3.145.304.780
	60.590.396.282	16.268.466.965

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Vay ngắn hạn

	1/1/2024		Biến động trong năm		31/12/2024
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	
Vay ngắn hạn	129.000.000.000	1.027.744.686.271	(1.026.344.686.271)	130.400.000.000	
Điều khoản và điều kiện của khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:					
	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND	
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk (i)	VND	3,5%	85.000.000.000	-	
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk (ii)	VND	3,5%	28.000.000.000	50.000.000.000	
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Định (iii)	VND	3,5%	17.400.000.000	20.000.000.000	
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk (iv)	VND	-	-	40.000.000.000	
Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk (v)	VND	-	-	19.000.000.000	
			130.400.000.000	129.000.000.000	

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Khoản vay từ Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (“Vietcombank”) - Chi nhánh Đắk Lắk có hạn mức tín dụng 105.000 triệu VND và chịu lãi suất của Vietcombank tại ngày giải ngân và sẽ được điều chỉnh mỗi ba tháng. Khoản vay này không có đảm bảo và được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Công ty. Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó.
- (ii) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“BIDV”) - Chi nhánh Đắk Lắk có hạn mức tín dụng 50.000 triệu VND và chịu lãi suất của BIDV tại ngày giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 14.906 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (1/1/2024: 17.946 triệu VND) (Thuyết minh 10) và được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Công ty. Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 3 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó.
- (iii) Khoản vay từ Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (“Vietcombank”) - Chi nhánh Bình Định có hạn mức tín dụng 25.000 triệu VND và chịu lãi suất của Vietcombank tại ngày giải ngân và sẽ được điều chỉnh mỗi ba tháng. Khoản vay này không có đảm bảo và được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Công ty. Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó.
- (iv) Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (“Agribank”) - Chi nhánh Đắk Lắk có hạn mức tín dụng 70.000 triệu VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 59.291 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (1/1/2024: 69.756 triệu VND) (Thuyết minh 10) và được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Công ty. Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó.
- (v) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (“Vietinbank”) - Chi nhánh Đắk Lắk có hạn mức tín dụng 100.000 triệu VND và chịu lãi suất của Vietinbank tại ngày giải ngân và sẽ được điều chỉnh mỗi tháng. Khoản vay này không được đảm bảo và được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Công ty. Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 3 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**
(tiếp theo)**Mẫu B 09- DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động trong năm của quỹ khen thưởng, phúc lợi như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	4.402.751.401	5.237.531.960
Trích lập trong năm (Thuyết minh 23)	24.090.000.000	24.090.000.000
Tăng khác	1.591.330.000	1.264.931.359
Sử dụng trong năm	(29.507.027.015)	(26.189.711.918)
Số dư cuối năm	577.054.386	4.402.751.401

22. Dự phòng phải trả dài hạn

	Dự phòng trợ cấp thôi việc VND
Số dư đầu năm	9.102.529.212
Dự phòng lập trong năm	858.796.187
Dự phòng sử dụng trong năm	(172.424.149)
Số dư cuối năm	9.788.901.250

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	298.466.480.000	12.234.693	90.329.263.247	214.066.232.994	602.874.210.934
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	149.791.586.984	149.791.586.984
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 21)	-	-	-	(24.090.000.000)	(24.090.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 26)	-	-	9.020.875.498	(9.020.875.498)	-
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	(902.087.550)	(902.087.550)
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	(134.309.916.000)	(134.309.916.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	298.466.480.000	12.234.693	99.350.138.745	195.534.940.930	593.363.794.368
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	174.112.533.273	174.112.533.273
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 21)	-	-	-	(24.090.000.000)	(24.090.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 26)	-	-	7.489.579.000	(7.489.579.000)	-
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	(748.958.000)	(748.958.000)
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	(149.233.240.000)	(149.233.240.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	298.466.480.000	12.234.693	106.839.717.745	188.085.697.203	593.404.129.641

142-6
 HÃY
 TỶ T
 MG
 10 C

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2024 và 1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	29.846.648	298.466.480.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	29.846.648	298.466.480.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong các năm ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023.

25. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty ngày 12 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 104.463 triệu VND (tương đương 3.500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023, trong đó 104.463 triệu VND đã được trả hoàn toàn cho các cổ đông trong năm 2023 (2023: quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 104.463 triệu VND (tương đương 3.500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022, trong đó 74.617 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2022).

Tại cuộc họp ngày 17 tháng 4 năm 2024, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức cho các cổ đông là 44.770 triệu VND (tương đương 1.500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024.

Tại cuộc họp ngày 6 tháng 8 năm 2024, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức cho các cổ đông là 59.693 triệu VND (tương đương 2.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024.

Tại cuộc họp bất thường ngày 18 tháng 10 năm 2024, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức cho các cổ đông là 44.770 triệu VND (tương đương với 1.500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

26. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-DHCD ngày 12 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định trích quỹ đầu tư phát triển của Công ty là 7.490 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023 (2023: 9.021 triệu VND).

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

Thuê	Thời hạn thuê	Ngày thay đổi giá thuê	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Lô đất 1	31-12-2056	31-12-2025	1.052.521.288	1.485.912.406
Lô đất 2	31-1-2058	30-1-2028	15.669.158.400	18.280.684.800
Lô đất 3	31-12-2048	31-12-2024	458.785.486	414.310.039
Lô đất 4	31-12-2048	31-12-2024	181.190.800	163.625.855
Lô đất 5	31-12-2048	31-12-2024	981.681.839	886.515.928
Lô đất 6	31-12-2048	31-12-2024	265.517.973	239.778.208
Lô đất 7	31-12-2048	31-12-2024	113.812.296	116.640.281
Lô đất 8	10-10-2036	31-5-2026	158.222.710	277.718.500
Lô đất 9	10-10-2036	9-10-2026	308.841.990	519.235.200
Lô đất 10	10-10-2036	5-3-2025	118.010.820	339.064.320
Lô đất 11	10-10-2036	31-5-2026	1.136.721.938	1.995.217.400
Lô đất 12	10-10-2036	31-5-2026	363.832.442	638.612.480
			20.808.297.982	25.357.315.417

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2024		1/1/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
EUR	481	12.586.643	502	13.245.745
USD	494.480	12.486.151.873	45.556	1.096.990.542
		<u>12.498.738.516</u>		<u>1.110.236.287</u>

(c) Hàng hóa nhận giữ hộ các bên thứ ba

	Đơn vị	31/12/2024 Số lượng	1/1/2024 Số lượng
Bia Lowen 330	Két	1.174	673

28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2024 VND	2023 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	1.273.202.593.757	1.154.826.236.503
▪ Cung cấp dịch vụ	35.340.773.501	50.923.728.083
▪ Doanh thu khác	56.964.463.551	30.775.587.252
	<u>1.365.507.830.809</u>	<u>1.236.525.551.838</u>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

29. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2024 VND	2023 VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Giá vốn thành phẩm đã bán	996.900.160.904	955.617.217.780
▪ Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	5.934.382.958	5.771.861.831
▪ Giá vốn khác	33.924.773.699	11.664.137.639
	1.036.759.317.561	973.053.217.250

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	2024 VND	2023 VND
Lãi tiền gửi	16.561.909.090	22.415.152.487
Lợi nhuận phân phối từ công ty con và công ty liên kết	15.150.569.867	19.513.897.284
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	176.675.086	15.101.001
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	15.991.976	59.338.134
	31.905.146.019	42.003.488.906

31. Chi phí bán hàng

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	4.080.389.160	3.678.126.916
Chi phí khấu hao và phân bổ	407.804.600	339.227.027
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	2.419.795.851	304.921.723
Chi phí vận chuyển	33.317.088.642	22.596.150.782
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.567.314.392	9.049.348.292
Chi phí bán hàng khác	2.986.536.454	2.485.572.088
	60.778.929.099	38.453.346.828

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	38.446.078.729	36.675.570.563
Chi phí khấu hao và phân bổ	3.449.691.163	3.760.910.825
Chi phí thuê	8.176.543.507	6.649.528.842
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.353.608.486	4.586.674.374
Chi phí quản lý khác	28.955.357.333	27.617.879.681
	83.381.279.218	79.290.564.285

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	828.353.313.028	768.484.960.313
Chi phí nhân công và nhân viên	124.499.239.379	118.303.007.497
Chi phí khấu hao và phân bổ (*)	50.479.188.313	49.732.599.367
Chi phí dịch vụ mua ngoài	86.237.471.577	83.302.882.883
Chi phí khác	80.939.957.623	56.003.794.263

(*) Trong năm, chi phí khấu hao và phân bổ đã bao gồm khấu hao các tài sản phục vụ sản xuất điện năng lượng mặt trời và giếng khoan với số tiền lần lượt là 1.066.115.800 VND và 386.637.502 VND.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

34. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2024 VND	2023 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	39.879.031.204	33.226.438.502
Dự phòng thiếu trong những năm trước	150.642.562	20.695.738
	40.029.673.766	33.247.134.240
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	32.125.592	1.647.787.152
	40.061.799.358	34.894.921.392

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	214.174.332.631	184.686.508.376
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	42.834.866.526	36.937.301.675
Chi phí không được khấu trừ thuế	74.278.651	191.916.284
Biến động các chênh lệch tạm thời	32.125.592	1.647.787.152
Thu nhập không bị tính thuế	(3.030.113.973)	(3.902.779.457)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	150.642.562	20.695.738
	40.061.799.358	34.894.921.392

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty và các Chi nhánh có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác trong báo cáo tài chính riêng này, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2024	2023
	VND	VND
Công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại - Dịch vụ		
Bia Quy Nhơn – Trụ sở chính		
Bán thành phẩm (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	586.738.127.673	492.689.194.273
Bán phụ tùng thay thế	837.174.719	886.768.019
Giao dịch bán khác	2.989.351.200	88.595.991
Doanh thu từ thuê đất đai	78.554.178	-
Mua dịch vụ	4.938.510.588	7.009.378.132
Mua hàng hóa	18.954.533	-
Lợi nhuận phân phối đã nhận	14.969.800.367	19.453.640.784
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại - Dịch vụ		
Bia Quy Nhơn – Chi nhánh Phú Yên		
Bán thành phẩm (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	74.985.543.331	64.920.515.068
Cung cấp dịch vụ	17.101.409.583	20.966.763.029
Mua hàng hóa	230.687.306	44.992.955
Bán tài sản cố định	46.598.923	-
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần In - Thương mại Phú Yên		
Mua và công cụ và dụng cụ	1.971.000.000	6.299.500.000
Mua nguyên vật liệu	2.803.500.000	-
Lợi nhuận phân phối đã nhận	180.769.500	60.256.500
Các bên liên quan khác		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát		
Sài Gòn		
Bán thành phẩm (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	529.910.114.374	554.289.308.242
Giao dịch bán khác	23.477.221.746	1.049.851.459
Mua nguyên vật liệu	400.920.923.425	342.685.902.784
Cổ tức đã trả	33.660.770.500	43.278.133.500
Cổ tức phải trả	14.426.044.500	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Cung cấp dịch vụ	884.507.682	1.023.697.397
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên		
Cung cấp dịch vụ	317.962.800	192.000.000
Giao dịch bán khác	-	184.768.629

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
Công ty TNHH MTV Cơ khí Sabeco		
Mua công cụ dụng cụ	814.245.000	363.613.000
Mua dịch vụ	520.300.000	1.011.000.000
Mua tài sản cố định	7.254.679.000	-
Thành viên Hội đồng Quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Ông Lâm Du An – Chủ tịch	130.000.000	130.000.000
Ông Huỳnh Văn Dũng – Thành viên	91.000.000	91.000.000
Bà Nguyễn Thị Phước – Thành viên	91.000.000	91.000.000
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh – Thành viên	70.000.000	91.000.000
Ông Phạm Văn Phong – Thành viên	91.000.000	91.000.000
Ông Đoàn Tiến Dũng – Thành viên	21.000.000	-
Thành viên Ban Điều hành		
<i>Lương cơ bản</i>		
Ông Huỳnh Văn Dũng – Tổng Giám đốc	796.320.000	744.177.696
Ông Võ Thành Điền – Phó Tổng Giám đốc	529.680.000	495.039.948
Thành viên Ban kiểm soát		
<i>Thù lao</i>		
Ông Nguyễn Văn Dũng – Trưởng Ban	260.000.000	260.000.000
Ông Trịnh Văn Thảo – Thành viên	52.000.000	52.000.000
Ông Bùi Quang Đáng – Thành viên	52.000.000	52.000.000

36. Phí dịch vụ đã trả và phải trả cho công ty kiểm toán

	2024 VND	2023 VND
Phí dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính	273.000.000	270.000.000
Phí dịch vụ soát xét thông tin tài chính	155.000.000	155.000.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

37. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ngày 14 tháng 2 năm 2025

Người lập:



Trần Thị Thanh Phúc
Phó phòng Tài chính – Kế toán

Người kiểm tra:



Nguyễn Thành Nguyên
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Văn Dũng
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA
SÀI GÒN - MIỀN TRUNG**

Số 48/CV-CT

*V/v Công bố thông tin BCTC
Tổng hợp đã kiểm toán năm 2024*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày 21 tháng 02 năm 2025

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM

1. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TRUNG
2. Mã chứng khoán: SMB
3. Địa chỉ trụ sở chính: 01 Nguyễn Văn Linh, P. Tân An, Tp Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
4. Điện thoại: 02623.877519 Fax: 02623.877455
5. Người thực hiện công bố thông tin: Huỳnh Văn Dũng
6. Nội dung thông tin công bố:
 - 6.1 Báo cáo tài chính Tổng hợp năm 2024 đã kiểm toán của Công ty CP Bia Sài Gòn – Miền Trung bao gồm: Báo cáo của Ban điều hành, Báo cáo kiểm toán độc lập, BCĐKT tại ngày 31/12/2024, BCKQKD năm 2024, BCLCTTGT cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01-31/12/2024, TMBCTC cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01-31/12/2024.
 - 6.2 Các nội dung giải trình: Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp đã kiểm toán năm 2024 phát sinh chênh lệch từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm 2023, cụ thể:

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2024 tăng 16,2% so với cùng kỳ 2023 tương ứng với tăng 24,32 tỷ, nguyên nhân chủ yếu là do sản lượng tiêu thụ năm 2024 tăng 11,5 triệu lít so với cùng kỳ năm 2023, Công ty đã quản lý tốt định mức nguyên nhiên vật liệu trong khi chi phí, giá vật tư tăng cao hơn so với cùng kỳ 2023.

Báo cáo giải trình này được gửi kèm với Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán để phục vụ việc Công bố thông tin theo quy định.
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: <https://biasaigonmt.com>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT

NGƯỜI CBTT



TỔNG GIÁM ĐỐC
Huỳnh Văn Dũng